TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2025

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chinh

Ông Dương Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, phường Thuận Hóa, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 10, khu vực 3, phường A, quận T, thành phố H (nay là Tổ 10, khu vực 3, phường A, thành phố H). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (Nguyen T Van), sinh năm 1963. Địa chỉ: 6628 Synott RD APT2101 Houston, TX 77083-2653, HK. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (nay là phường A, thành phố H) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/03/2019. Sau khi kết hôn, ông T quay về sinh sống và làm việc ở Hoa Kỳ, còn bà H thì sinh sống và làm việc tại Việt Nam nên vợ chồng không chung sống cùng nhau. Thời gian đầu, ông T vẫn thường xuyên gọi điện, hỏi han, quan tâm chăm sóc bà H nhưng sau này, ông T đã không còn quan tâm, chăm sóc bà H như trước

nữa, dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đến đầu năm 2023, giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên tranh cãi do thời gian dài vợ chồng không chung sống cùng nhau, khoảng cách địa lý xa xôi dẫn đến không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay, ông T đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, khoảng cách địa lý quá xa nên không có điều kiện để đoàn tụ gia đình, giải quyết những mâu thuẫn chung, không có khả năng để chăm sóc cho gia đình cũng như hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại, bà H nhận thấy thời gian dài vợ chồng không chung sống cùng nhau dẫn đến không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van).

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van): Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng bao gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van). Ngày 28/4/2025, Toà án nhân dân thành phố Huế nhận được bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van). Trong bản tự khai, ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) đề nghị Tòa án cho ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) được ly hôn với bà Phạm Thị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo được quyền lợi, nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 37; Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van). Về con chung và tài sản chung, nợ chung, ông T và bà H đều thừa nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) có địa chỉ nơi cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các băn bản tố tụng bao gồm Thông báo thụ lý vụ án,Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Vụ án thuộc trường hợp không thể hoà giải được quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Phạm Thị H và bị đơn ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường An Cựu, thành phố Huế) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/03/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì ông T quay trở lại Hoa Kỳ để sinh sống và làm việc. Thời gian đầu, ông T vẫn thường xuyên gọi điện, hỏi han, quan tâm chăm sóc bà H nhưng sau này, ông T đã không còn quan tâm, chăm sóc bà H như trước nữa, dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đến đầu năm 2023, giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên tranh cãi do thời gian dài vợ chồng không chung sống cùng nhau, khoảng cách địa lý xa xôi dẫn đến không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị H đã gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án và ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị H, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) đều xác nhận không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 37; Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van). Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) đều xác nhận không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000063 ngày 11 tháng 4 năm 2025; bà H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn T (Nguyen Thien Van) đang ở nước ngoài (Hoa Kỳ) có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- Viện CT và VKXX phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Huế;
- Phòng PV06 CA thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Các Đương sự;
- Lưu: HCTP, Toà Dân sự, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trương Thị Đào Vi